

Số: 2832059

|                                            | Kia Sportage 2.0G Signature<br>(Tùy chọn màu nội thất) | PEUGEOT 408 ALLURE    |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>959.000.000đ</b>                                    | <b>1.019.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                        |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700                                     | 4687 x 1850 x 1510    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                                                   | 2787                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                                                   |                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                                                    | 189                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1650                                                   | 1430                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2100                                                   | 1880                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                                                    | 536                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                                                     | 52                    |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                                      | 5                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                       | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                        |                       |
| Loại động cơ                               | Xăng 2.0L                                              | 1,6 Turbo PureTech    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                                                   | 1598                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 154 / 6200                                             | 218 / 5500            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4500                                             | 300 / 2000            |
| Hộp số                                     | 6AT                                                    | 8AT                   |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                        | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                             | Độc Lập Mac Pherson   |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                       | Bán Độc Lập           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                    | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                    | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                             | 225/55 R18            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.8                                                    | 9.74                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.1                                                    | 6.31                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                                                    | 7.59                  |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart                           | Eco/Normal/Sport      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                        |                       |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                          | LED                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                      | ●                     |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                      | ● (Nhanh sự tử)       |
| Đèn sương mù                               | LED                                                    |                       |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                    | LED                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                      | ●                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                      | ●                     |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                      | -                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                        |                       |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                      | ●                     |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                     | Da                    |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                      | ●                     |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                      | -                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                      | -                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                      | ●                     |

|                                          |                                            |                    |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát      | ●                                          | -                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ●                                          | -                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                          | ●                  |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | Full-LCD 12.3"                             | 10 inch            |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 12.3"                                  | 10 inch            |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                          | ●                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2                                          | 2                  |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                          | ●                  |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                          | ●                  |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                          | ●                  |
| Khởi động từ xa                          | ●                                          | -                  |
| Hệ thống âm thanh                        | 8 loa Harman/Kardon                        |                    |
| Lấy chuyển số                            | ●                                          | ●                  |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                          | ●                  |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                          | -                  |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                          | -                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | ●                                          | ●                  |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                            |                    |
| Số túi khí                               | 6                                          | 6                  |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS     | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                          | ●                  |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                          |                    |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                | Sau                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) | ●                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●                                          | ●                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                          | -                  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                          | ●                  |
| Camera lùi                               | ●(Tích hợp camera 360)                     | ● (Giả lập 180 độ) |